

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2016

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2016

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **419.080.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|---------------------|--------------|
| Ông Vũ Hồng Phương | Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Lương | Phó chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đức Kiên | Ủy viên |
| Ông Mai Trọng Thịnh | Ủy viên |
| Ông Lê Đăng Khoa | Ủy viên |

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | |
|------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Đức Kiên | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Tuýnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Mạnh Hùng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Lê Khang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn An | Kế toán trưởng |

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)


- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Đức Kiên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016
(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1,633,133,180,692 | 1,688,451,134,451 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 159,673,165,759 | 171,196,659,614 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 158,673,165,759 | 126,840,845,052 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1,000,000,000 | 44,355,814,562 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1,166,446,736,600 | 1,190,897,698,491 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 1,139,309,207,723 | 1,189,930,502,551 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 75,778,791,081 | 44,498,445,064 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.04 | 194,920,833 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.05 | 82,627,071,493 | 87,932,005,406 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (131,463,254,530) | (131,463,254,530) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.06 | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 258,874,356,495 | 281,671,762,378 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.08 | 258,874,356,495 | 281,671,762,378 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 48,138,921,838 | 44,685,013,968 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.12 | 22,310,902,336 | 21,656,543,920 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 20,225,996,086 | 22,394,499,969 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | V.05 | 602,023,416 | 633,970,079 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | 5,000,000,000 | - |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | | |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 269,781,874,935 | 283,629,875,087 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | V.03 | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.05 | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 56,272,350,719 | 61,468,885,175 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 44,291,350,719 | 49,487,885,175 |
| - Nguyên giá | 222 | | 262,830,166,353 | 278,325,774,179 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (218,538,815,634) | (228,837,889,004) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 11,981,000,000 | 11,981,000,000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 11,981,000,000 | 11,981,000,000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.09 | 4,175,637,591 | 4,140,379,891 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 4,175,637,591 | 4,140,379,891 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.02 | 194,800,818,071 | 205,529,088,382 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 192,858,298,448 | 185,941,551,483 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 26,402,536,899 | 26,402,536,899 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (24,460,017,276) | (6,815,000,000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 14,533,068,554 | 12,491,521,639 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 14,533,068,554 | 12,491,521,639 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.13 | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,902,915,055,627 | 1,972,081,009,538 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa. Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| | | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|------------|--------|--------------------------|--------------------------|--|
| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết | Số cuối kỳ | Số đầu năm | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1,328,363,212,429 | 1,402,867,329,232 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1,162,153,983,520 | 1,251,168,817,013 | |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 501,681,625,547 | 532,443,457,227 | |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 265,490,473,492 | 253,845,166,209 | |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 42,895,897,379 | 51,257,696,984 | |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 43,528,147,621 | 54,154,249,174 | |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.17 | 11,892,907,255 | 9,204,885,151 | |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - | |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD | 317 | | 8,834,247 | - | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - | |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 79,405,667,682 | 81,754,554,407 | |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14 | 215,151,895,246 | 266,215,859,810 | |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - | |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 2,098,535,051 | 2,292,948,051 | |
| 13. Quỹ Bình ổn giá | 323 | | - | - | |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 166,209,228,909 | 151,698,512,219 | |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | V.15 | 5,925,724,174 | 5,925,724,174 | |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - | |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - | |
| 4. Phải trả dài hạn về vốn kinh doanh | 334 | | - | - | |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - | |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - | |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18 | - | - | |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14 | 157,726,973,787 | 145,772,788,045 | |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - | |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - | |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - | |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | 2,556,530,948 | - | |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa. Hà Nội

| | | | | |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 574,551,843,198 | 569,213,680,306 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 574,551,843,198 | 569,213,680,306 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 419,080,000,000 | 419,080,000,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 419,080,000,000 | 419,080,000,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 52,625,676,545 | 52,625,676,545 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | (543,000,000) | (543,000,000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 11,031,089,294 | 10,826,647,912 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 80,578,692,291 | 73,984,997,006 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 67,263,361,763 | (9,145,484,356) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 13,315,330,528 | 83,130,481,362 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 11,779,385,068 | 13,239,358,843 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | V.23 | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1,902,915,055,627 | 1,972,081,009,538 |

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

KTT

Tổng Giám đốc






Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý I năm 2016 - Kỳ kế toán: 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU | Mã | Thuyết | Quý 1/2016 | Năm 2015 |
|---|-----------|--------|------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 529,932,944,169 | 2,416,343,242,899 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.02 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 529,932,944,169 | 2,416,343,242,899 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.03 | 499,298,841,452 | 2,133,459,252,662 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 30,634,102,717 | 282,883,990,237 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.04 | 11,294,482,765 | 36,094,173,422 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.05 | 8,042,908,027 | 40,796,216,628 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 5,716,712,012 | 40,768,736,773 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | 7,296,936,744 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.06 | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 20,623,510,434 | 182,655,079,695 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 13,262,167,021 | 102,823,804,080 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 4,698,500,539 | 8,257,869,500 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 2,542,460,121 | 7,833,049,670 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 2,156,040,418 | 424,819,830 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 15,418,207,439 | 103,248,623,910 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.09 | 2,058,755,892 | 18,188,225,086 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 13,359,451,547 | 85,060,398,824 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 61 | | 13,359,451,547 | 83,130,481,362 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | 1,929,917,462 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | | |

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2015

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 595,411,636,032 | 1.89047E+12 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (382,283,106,963) | (1,666,323,769,011) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (41,057,821,113) | (191,266,592,247) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (5,773,996,307) | (36,120,897,048) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (11,126,860,720) | (13,821,897,220) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 31,768,427,058 | 47,500,019,649 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (110,423,899,587) | (66,466,949,284) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 76,514,378,400 | (36,026,907,865) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (148,000,000) | (9,313,786,802) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 2403691542 | 3,744,646,198 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | 1743000000 | 0 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | -1900000000 | 0 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (5,500,000,000) | (86,331,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 500,000,000 | 23,009,485,000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 268,592,686 | 24,311,887,816 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (2,632,715,772) | (44,578,767,788) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 1,750,000,000 | 143,789,100,000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của đơn vị | 32 | 0 | (543,000,000) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 39,922,619,864 | 718,749,315,392 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (127,077,776,347) | (661,937,711,788) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 0 | (9,511,580,970) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (85,405,156,483) | 1.90546E+11 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (11,523,493,855) | 109,940,446,981 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 171,196,659,614 | 61,283,692,488 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (27,479,855) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | | 159,673,165,759 | 171,196,659,614 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 04 năm 2016

Tổng Giám đốc






Nguyễn Quang Thanh

Lê Văn An

Nguyễn Đức Kiên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Cấu trúc doanh nghiệp

04.1 Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

| Tên Công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty mẹ tại ngày 31/03/2016 |
|----------------------------------|--|---|
| Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long | Số 89, phố Thịnh Liệt, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội | 83,00% |
| Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long | Thôn Cổ Diền, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội | 51,13% |

04.2 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

| Tên Công ty liên kết, liên doanh | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2016 |
|---|--|--|
| - Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long | Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. | 20,80% |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long | Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. | 20,00% |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long | Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | 30,31% |
| - Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long | Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | 49,00% |
| - Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long | Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 36,00% |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long | Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | 36,45% |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long | Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 36,00% |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long | Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 46,00% |
| - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long | Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | 29,00% |
| - Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long | Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. | 45,55% |
| - Công ty TNHH Bé tông Thăng Long Mê Kông | Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. | 49,00% |
| - Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh | Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | (*) |

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 49%.

Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 - CTCP, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 69,07%.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

| | |
|-----------------------------------|----------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 06 – 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất lâu dài | Không khấu hao |

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

16. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THĂNG LONG

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các Công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu Công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| C L | | |
| - Tiền mặt | 15,526,618,197 | 901,560,532 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 143,146,547,562 | 125,939,284,520 |
| - Tiền đang chuyển | - | - |
| - Tương đương tiền | 1,000,000,000 | 44,355,814,562 |
| Cộng | 159,673,165,759 | 171,196,659,614 |

02. Trình bày tại Sheet "ĐT Tài chính"

03. Phải thu khách hàng

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 1,139,309,207,723 | 1,189,930,502,551 |
| - Trung tâm Tư vấn Quản lý và Giám sát Dự án các CTGT | | 10,590,165,200 |
| - Công ty cổ phần xây dựng số 10 Thăng Long | 36,619,430,293 | 36,225,031,992 |
| - Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long | 80,035,299,025 | 81,335,479,967 |
| - Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long | 47,774,751,266 | 47,362,444,954 |
| - Công ty cổ phần xây dựng số 17 Thăng Long | 31,644,627,997 | 31,301,850,569 |
| - Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác | 943,235,099,142 | 983,115,529,869 |
| b. Phải thu của khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | 1,139,309,207,723 | 1,189,930,502,551 |

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| a. Ngắn hạn | 82,627,071,493 | 87,932,005,406 |
| - Phải thu của người lao động | - | - |
| - Tạm ứng | 18,800,191,939 | 50,998,765,971 |
| - Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 320,985,519 | 4,042,363,694 |
| - Phải thu khác | 63,505,894,035 | 32,890,875,741 |
| + Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân | - | 2,664,280,015 |
| + Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long | - | 2,895,623,923 |
| + Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài | - | - |
| + Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng | - | 531,465,692 |
| + Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam | - | 2,527,880,678 |
| + Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thẩm | - | - |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

| | | |
|--|----------------|----------------|
| + Phải thu tiền cho cán bộ công nhân viên vay | - | - |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Xây dựng và Thương m | - | 1,035,000,000 |
| + Ban điều hành gói 2 Nam Sơn - Châu Cầu | - | 1,273,109,166 |
| + Phải thu các đối tượng khác | 63,505,894,035 | 21,963,516,267 |

b. Dài hạn

| | | |
|---------------------------|------------|-----------------------|
| - Ký quỹ, ký cược dài hạn | - | - |
| Cộng | # # | 82,627,071,493 |
| | | 87,932,005,406 |

52,871,347,977

06. Hàng tồn kho

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| - Nguyên liệu, vật liệu | 7,919,954,043 | 4,019,727,113 |
| - Công cụ, dụng cụ | 431,564,321 | 547,513,372 |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 250,522,838,131 | 277,104,521,893 |
| Cộng giá gốc của hàng tồn kho | 258,874,356,495 | 281,671,762,378 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

15 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|--------------------------|----------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| - Mua sắm | - | - |
| - Xây dựng cơ bản | 4,175,637,591 | 4,140,379,891 |
| - Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng | 1,850,707,012 | 1,850,707,012 |
| - Khu Công nghiệp Đông Anh | - | - |
| - Văn phòng Phạm Văn Đồng | - | - |
| - Công trình nhà điều hành | - | - |
| - Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế | (435,896,864) | 435,896,864 |
| - Công trình xưởng Lò Cai | 1,821,901,503 | 1,821,901,503 |
| - Chi phí xây dựng cơ bản khác | 938,925,940 | 31,874,512 |
| - Sửa chữa | - | - |
| Cộng | # # 4,175,637,591 | 4,140,379,891 |

18. Chi phí trả trước

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 22,310,902,336 | 21,656,543,920 |
| - Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ nhân bản | - | 9,891,477,028 |
| - CCDC xuất dùng phục vụ việc di dời văn phòng tại Thịnh Li | - | 4,286,754,717 |
| - Các khoản khác | 22,310,902,336 | 7,478,312,175 |
| b. Dài hạn | 14,533,068,554 | 12,491,521,639 |
| - Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ | - | 7,997,099,173 |
| - Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá | - | 54,251,319 |
| - Chi phí san lấp mặt bằng | 14,533,068,554 | 4,440,171,147 |
| Cộng | 36,843,970,890 | 34,148,065,559 |

21. Phải trả người bán

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|----------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Giá trị |
| a. Phải trả người bán ngắn hạn | # 501,681,625,547 | 532,443,457,227 |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long | 32,146,780,335 | 72,077,714,367 |
| - Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long | 16,042,266,977 | 41,024,668,258 |
| - Công ty Cổ phần Gang thép Việt Nam | - | 958,816,701 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Công nghệ cao Thăng Long | - | 3,175,604,983 |
| - Ông Trịnh Quang Hưng | - | 11,257,101,778 |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | 453,492,578,235 | 403,949,551,140 |
| b. Phải trả người bán dài hạn | # - | 5,925,724,174 |
| - Công ty Cổ phần cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long | - | 5,504,733,796 |
| - Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác | - | 420,990,378 |
| Cộng | # # 501,681,625,547 | 538,369,181,401 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

23. Chi phí phải trả

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|-----------------------|----------------------|
| a. Chi phí phải trả ngắn hạn | 11,892,907,255 | 9,204,885,151 |
| - Trích trước chi phí lãi vay phải trả ODA | 8,006,532,004 | 8,006,532,004 |
| - Trích trước chi phí lãi vay | 514,584,584 | 514,584,584 |
| - Chi phí cho các công trình | - | 677,379,970 |
| - Các khoản trích trước khác | 3,371,790,667 | 6,388,593 |
| b. Chi phí phải trả dài hạn | - | - |
| Cộng | 11,892,907,255 | 9,204,885,151 |

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|---------------------------|-----------------------|
| a. Ngắn hạn | 80,406,770,357 | 81,754,554,407 |
| - Kinh phí công đoàn | 622,711,617 | 994,836,903 |
| - Bảo hiểm xã hội | 10,139,816,257 | 8,936,521,885 |
| - Bảo hiểm y tế | 80,380,287 | 157,530,285 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 35,087,358 | 68,582,426 |
| - Phải trả về cổ phần hóa | - | 2,657,457,171 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | # # 69,528,774,838 | 68,939,625,737 |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long | - | - |
| + Đội thi công cầu | - | - |
| + Dự án cải tạo cầu Đường Sắt - Gói CPID | - | - |
| + Dự án Đường 188 Hải Dương | - | 9,490,397,776 |
| + Công ty TNHH Đầu tư dầu khí Hà Nội | - | 1,200,000,000 |
| + Ban điều hành gói 6 Cầu Phù Đổng | - | - |
| + Ban điều hành gói PK1A dự án đường cao tốc HN-TN | - | - |
| + Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh | - | - |
| + Ban điều hành liên danh gói thầu PK2 | - | - |
| + Ông Cao Xuân Nam - Đội trưởng 301 | - | - |
| + Ông Đặng Văn Hoan - Đội 309 | - | - |
| + Ông Nguyễn Hữu Phúc | - | - |
| + Ông Phạm Trọng Thanh | - | - |
| + Xí nghiệp xây dựng số 2 | - | - |
| + Xí nghiệp thi công cơ giới | - | - |
| + Hỗ trợ di dời văn phòng Thịnh Liệt- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 36 | - | 15,000,000,000 |
| + Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Công trình Thăng Long | - | 899,645,763 |
| + Trả cổ tức cho các cổ đông Tổng Công ty | - | 11,695,877,730 |
| + Các đối tượng khác | 69,528,774,838 | 30,653,704,468 |
| b. Dài hạn | # # - | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | - | - |
| Cộng | - | 81,754,554,407 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|-------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu bán hàng | - | 13,708,979,010 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | - | 17,184,731,587 |
| - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 529,932,944,169 | 2,385,449,532,302 |
| Cộng | # # 529,932,944,169 | 2,416,343,242,899 |

02. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

04. Giá vốn hàng bán (Mã Số 11)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|-----------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn của hàng hóa đã bán | - | 12,845,081,117 |
| - Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | - | 12,290,668,256 |
| - Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 499,298,841,452 | 2,108,323,503,289 |
| Cộng | # # 499,298,841,452 | 2,133,459,252,662 |

05. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|--------------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3,780,482,765 | 20,329,798,836 |
| - Lãi bán các khoản đầu tư | - | 9,745,215,573 |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7,514,000,000 | 5,503,861,288 |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 515,297,725 |
| Cộng | # # 11,294,482,765 | 36,094,173,422 |

06. Chi phí tài chính (Mã số 22)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|---|--------------------------|-----------------------|
| - Lãi tiền vay | 8,042,908,027 | 40,768,736,773 |
| - Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm | - | - |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá | - | 27,479,855 |
| - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | - | - |
| Cộng | # # 8,042,908,027 | 40,796,216,628 |

07. Thu nhập khác (Mã số 31)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|---|--------------------------|----------------------|
| - Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 385,706,231 |
| - Giao khoán hệ nổi cho Công ty Cổ phần Cơ giới 6 | - | 631,818,182 |
| - Tiền bảo hiểm bồi thường tổn thất công trình | - | 486,552,563 |
| - Thuế được giảm | - | 638,651,071 |
| - Các khoản khác | 4,698,500,539 | 6,115,141,453 |
| Cộng | # # 4,698,500,539 | 8,257,869,500 |

08. Chi phí khác (Mã số 32)

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|--|-------------------|-----------------|
|--|-------------------|-----------------|

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

| | | |
|--|--------------------------|----------------------|
| - Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 1,353,068,180 |
| - Kinh phí xây dựng Cầu Cò Pha - Bắc | - | - |
| - Kinh phí xây dựng Công viên tưởng niệm liệt sĩ bảo vệ cầu Rạch Chiểu | - | 2,000,000,000 |
| - Các khoản bị phạt | - | 1,703,135,370 |
| - Các khoản khác | 2,542,460,121 | 2,776,846,120 |
| Cộng | # # 2,542,460,121 | 7,833,049,670 |

09. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|---|--------------------------------|-------------------------------|
| <i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i> # | <i>20,623,510,434</i> | <i>182,655,079,695</i> |
| - Chi phí nhân viên quản lý | 3,465,402,366 | 48,628,629,061 |
| - Chi phí vật liệu quản lý | 975,947,246 | 866,653,653 |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng | - | 2,223,346,911 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 1,250,000,000 | 6,693,895,624 |
| - Thuế, phí và lệ phí | - | 5,098,082,306 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2,233,314,467 | 27,231,833,802 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 12,698,846,355 | 8,092,260,663 |
| - Chi phí dự phòng | | 83,820,377,675 |
| <i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i> # | - | - |
| <i>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | - | - |
| Cộng | # <u>20,623,510,434</u> | <u>182,655,079,695</u> |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

| | <u>Quý 1/2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| - Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 15,259,697,532 | 550,855,914,513 |
| - Chi phí nhân công | 7,002,596,210 | 212,180,829,851 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1,095,093,357 | 16,538,876,774 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3,241,396,991 | 275,344,699,776 |
| - Chi phí khác bằng tiền | 31,694,665,085 | 66,665,484,413 |
| - Chi phí thuê phụ | 125,088,344,762 | 1,477,330,338,292 |
| - Chi phí dự phòng | - | 83,820,377,675 |
| Cộng | # # 509,884,209,600 | 2,598,916,143,619 |

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP
 72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

17. Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

Ngày 01/01/2016

Ngày 31/03/2016

| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| - Đầu tư vào công ty con | | | | | | |
| + Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | | | | | |
| + Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long | 192,858,298,448 | 175,213,281,172 | (17,645,017,276) | 192,858,298,448 | 175,213,281,172 | (17,645,017,276) |
| + Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long | 2,260,302,971 | - | (2,260,302,971) | 2,260,302,971 | - | (2,260,302,971) |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long | 1,807,850,307 | 1,807,850,307 | - | 1,807,850,307 | 1,807,850,307 | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long | 1,608,700,818 | 1,608,700,818 | - | 1,608,700,818 | 1,608,700,818 | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long | 3,553,096,801 | 3,553,096,801 | - | 3,553,096,801 | 3,553,096,801 | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long | 20,160,000,000 | 15,619,241,211 | (4,540,758,789) | 20,160,000,000 | 15,619,241,211 | (4,540,758,789) |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long | 5,400,000,000 | 1,866,805,000 | (3,533,195,000) | 5,400,000,000 | 1,866,805,000 | (3,533,195,000) |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long | 4,036,410,000 | - | (4,036,410,000) | 4,036,410,000 | - | (4,036,410,000) |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long | - | - | - | - | - | - |
| + Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Thăng Long | 1,189,000,000 | 979,237,681 | (209,762,319) | 1,189,000,000 | 979,237,681 | (209,762,319) |
| + Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh | 109,644,000,000 | 109,644,000,000 | - | 109,644,000,000 | 109,644,000,000 | - |
| + Công ty Cổ phần Cầu 12 Thăng Long | 3,064,588,197 | - | (3,064,588,197) | 3,064,588,197 | - | (3,064,588,197) |
| + Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long | 27,797,662,360 | 27,797,662,360 | - | 27,797,662,360 | 27,797,662,360 | - |
| + Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long | 12,336,686,994 | 12,336,686,994 | - | 12,336,686,994 | 12,336,686,994 | - |
| - Đầu tư vào đơn vị khác | 26,402,536,899 | 19,587,536,899 | (6,815,000,000) | 26,402,536,899 | 19,587,536,899 | (6,815,000,000) |
| + Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long | 6,815,000,000 | - | (6,815,000,000) | 6,815,000,000 | - | (6,815,000,000) |
| + Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long | 5,601,298,589 | 5,601,298,589 | - | 5,601,298,589 | 5,601,298,589 | - |
| + Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long | 300,000,000 | 300,000,000 | - | 300,000,000 | 300,000,000 | - |
| - Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long | 9,122,712,667 | 9,122,712,667 | - | 9,122,712,667 | 9,122,712,667 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long | 2,850,307,611 | 2,850,307,611 | - | 2,850,307,611 | 2,850,307,611 | - |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long | 1,713,218,032 | 1,713,218,032 | - | 1,713,218,032 | 1,713,218,032 | - |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | TSCĐ hữu hình | | Tổng cộng |
|--|------------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| | | | | | TSCĐ hữu hình | khác | |
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 56,045,799,842 | 184,577,093,603 | 30,607,874,537 | 4,139,641,279 | 2,955,364,918 | 278,325,774,179 | 148,000,000 |
| - Mua trong năm | - | 148,000,000 | - | - | - | - | - |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn | - | - | - | - | - | - | - |
| - Phân loại lại | - | - | - | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (15,643,607,826) | - | - | - | (15,643,607,826) | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 56,045,799,842 | 169,081,485,777 | 30,607,874,537 | 4,139,641,279 | 2,955,364,918 | 262,830,166,353 | |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 38,947,737,425 | 162,888,303,683 | 20,807,323,207 | 3,239,359,770 | 2,955,364,919 | 228,838,089,004 | 3,007,426,183 |
| - Khấu hao trong năm | 666,677,625 | 1,648,682,690 | 597,589,134 | 94,476,734 | - | - | - |
| - Phân loại lại | - | - | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | (13,306,699,553) | - | - | - | (13,306,699,553) | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 39,614,415,050 | 151,230,286,820 | 21,404,912,341 | 3,333,836,504 | 2,955,364,919 | 218,538,815,634 | |
| Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình | | | | | | | |
| 1. Tại ngày đầu năm | 17,098,062,417 | 21,688,789,920 | 9,800,551,330 | 900,281,509 | (1) | 49,487,685,175 | |
| 2. Tại ngày cuối năm | 16,431,384,792 | 17,851,198,957 | 9,202,962,196 | 805,804,775 | (1) | 44,291,350,719 | |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thuế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay :
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:
- Các cam kết về mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

TỔNG CÔNG TY THẮNG LONG - CTCP

72 Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải thu phải nộp Nhà nước

| | Ngày 01 tháng 01 năm 2016 | | Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016 | | Ngày 31 tháng 03 năm 2016 | |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Số tiền phải thu Nhà nước | Số tiền phải nộp Nhà nước | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Số tiền phải thu Nhà nước | Số tiền phải nộp Nhà nước |
| - Thuế GTGT đầu ra | 479,134,079 | 14,616,086,451 | 12,297,708,103 | 10,844,115,572 | | 15,590,544,903 |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 16,234,040,865 | 1,735,603,272 | 9,800,000,000 | | 8,169,644,137 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | - | 1,162,115,941 | 340,334,621 | 1,126,860,720 | | 375,589,842 |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 154,836,000 | 978,859,620 | 22,925,440 | 427,495,480 | | 419,453,580 |
| - Các loại thuế khác | - | 17,756,117 | 183,046,113 | 384,607,267 | 602,023,416 | |
| - Phí, lệ phí và các khoản khác | - | 18,248,837,990 | 4,791,861,918 | 5,118,253,370 | | 18,340,664,917 |
| Cộng | 633,970,079 | 51,257,696,984 | 19,371,479,467 | 27,701,332,409 | 602,023,416 | 42,895,897,379 |

37. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng |
|--|---------------------------|----------------------|---------------|-----------------------|------------------------------|---------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 419,080,000,000 | 52,625,676,545 | (543,000,000) | 10,826,647,912 | 73,984,997,006 | 13,239,358,843 | 569,213,680,306 |
| Tăng vốn trong năm trước | | | | | | | - |
| Lãi trong năm trước | | | | | | | - |
| Tăng khác | | | | | | | - |
| Số dư cuối năm trước | 419,080,000,000 | 52,625,676,545 | (543,000,000) | 10,826,647,912 | 73,984,997,006 | 13,239,358,843 | 569,213,680,306 |
| Số dư đầu năm nay | | | | | | | |
| Tăng vốn trong năm nay | | | | | | | - |
| Lợi nhuận trong năm nay | | | | | 13,315,330,528 | | 13,315,330,528 |
| Tăng khác | | | | | | | - |
| Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ | | | | 204,441,382 | (7,772,737,918) | (1,459,973,775) | (9,028,270,311) |
| Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty con | | | | | | | - |
| Số dư cuối năm nay | 419,080,000,000 | 52,625,676,545 | (543,000,000) | 11,031,089,294 | 79,527,589,617 | 11,779,385,068 | 573,500,740,524 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Vốn góp của Nhà nước | 105,000,000,000 | 105,000,000,000 |
| - Vốn góp của các đối tượng khác | 314,080,000,000 | 314,080,000,000 |
| Cộng | 419,080,000,000 | 419,080,000,000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|---|-----------------|-----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 419,080,000,000 | 419,080,000,000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 419,080,000,000 | 419,080,000,000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 21,000,000,000 | - |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | 21,000,000,000 | - |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i> | - | - |

d. Cổ tức

| | | |
|---|--|---|
| - Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: | | - |
| + <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:</i> | | - |
| + <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:</i> | | - |
| - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: | | - |

đ. Cổ phiếu

| | Ngày 31/03/2016 | Ngày 01/01/2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 41,908,000 | 41,908,000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 41,908,000 | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 41,908,000 | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 41,908,000 | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 41,908,000 | 41,908,000 |
| + <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i> | - | - |
| * <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i> | 10,000 | 10,000 |

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long
Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông
Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long
Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh

Mối quan hệ

Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết
Công ty liên doanh, liên kết

03. Thay đổi chính sách kế toán

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Thương mại: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Dịch vụ: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị...

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng

Lê Văn An

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên